

Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính cá nhân của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn

Factors influencing students' personal financial management: A case study of students at Quy Nhon University

2

ABSTRACT

The purpose of this study is to identify factors affecting personal financial management of students. The research data was collected from 492 students of Quy Nhon University. Research results represent that financial education in the family, financial knowledge and mindful expenditure style have a positive impact on students' personal financial management. Among them, mindful expenditure style is the most significant factor influencing students' personal financial management. In addition, research also shows that students' financial management is not influenced by friends. In addition, the study also proposed some recommendations to improve personal financial management skills for students.

Keywords: *Personal financial management, financial education in the family, financial knowledge, mindful expenditure style, friends.*

Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính cá nhân của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính cá nhân của sinh viên. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 492 sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự giáo dục tài chính trong gia đình, hiểu biết tài chính và phong cách chi tiêu có kiểm soát ảnh hưởng tích cực đến việc quản lý tài chính cá nhân của sinh viên. Trong đó, phong cách chi tiêu có kiểm soát là nhân tố ảnh hưởng lớn nhất đến quản lý tài chính cá nhân của sinh viên. Ngoài ra nghiên cứu còn cho thấy quản lý tài chính của sinh viên không bị tác động bởi bạn bè. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao kỹ năng quản lý tài chính cá nhân cho sinh viên.

Từ khóa: Quản lý tài chính cá nhân, sự giáo dục của gia đình, hiểu biết tài chính, phong cách chi tiêu có kiểm soát, bạn bè.

1. GIỚI THIỆU

Trong thời đại 4.0 máy móc hiện đại ra đời, công nghệ ngày càng phát triển, nhu cầu con người mỗi lúc một nhiều đòi hỏi chúng ta phải chi tiêu nhiều hơn vì vậy việc quản lý tài chính cá nhân (QLTCCN) đóng vai trò quan trọng trong những chi tiêu hàng ngày. Nếu chúng ta QLTCCN không tốt sẽ dẫn đến thâm hụt ngân sách, từ đó sẽ ảnh hưởng đến mỗi cá nhân nói riêng và cả xã hội nói chung. Như vậy việc nâng cao hiểu biết của mọi người về QLTCCN sẽ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân cũng như góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Việt Nam là một nền kinh tế mới, tuy nhiên trình độ dân trí tài chính còn thấp, đặc biệt là sinh viên (SV). Đây là nhóm đối tượng thường rơi vào tình trạng mất cân bằng tài chính, do vừa rời xa gia đình để đi học và đang bước đầu tự quản lý chi tiêu của mình. Do đó, việc nghiên cứu về QLTCCN của SV đã được quan tâm hơn ở Việt Nam¹⁻³ và một số nghiên cứu ở nước ngoài có thể kể đến như Rosa và Listiadi (2020), Dewi và Ijadi (2021), Salsabilla và cộng sự (2022)⁴⁻⁶. Những nghiên cứu trên ta thấy được QLTCCN là một việc cần thiết và quan trọng đối với mỗi người, đặc biệt là các bạn SV.

Bước vào môi trường đại học, SV cũng bắt đầu tự lập, hòa nhập vào môi trường mới và việc kiểm soát tài chính cũng vì vậy mà quan trọng hơn hẳn. SV Việt Nam hiện nay mặc dù đã có một số hiểu biết nhất định về QLTCCN, tuy nhiên để hiểu sâu và căn kẽ thì đây vẫn là một câu hỏi khó. Bởi bên cạnh việc hiểu biết về tài chính và sự giáo dục tài chính trong gia đình, thì khi bắt đầu dần tập tự lập trong môi trường mới, SV có

thể bị ảnh hưởng chi phối bởi bạn bè và phong cách chi tiêu thể hiện rõ ràng hơn khi rời xa gia đình, điều này có thể ảnh hưởng đến việc quản lý chi tiêu của mỗi cá nhân. Hiện ở Việt Nam cũng chưa có nghiên cứu nào đề cập cụ thể đến vấn đề này, chính vì vậy chủ đề “Các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCCN của SV: Nghiên cứu trường hợp SV của Trường Đại học Quy Nhơn” có ý nghĩa rõ nhằm giúp SV có những hiểu biết hơn về thói quen chi tiêu của mình, chi phối bởi những nhân tố nào, dẫn đến việc chi tiêu hợp lý và không hợp lý, từ đó có cách quản lý tài chính tốt hơn.

Mục đích của nghiên cứu này là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCCN của SV, đề xuất đưa ra một số khuyến nghị với gia đình, nhà trường và SV nhằm hướng SV đến thói quen chi tiêu có kế hoạch, hợp lý, có ích cho gia đình và xã hội. Nghiên cứu được tiến hành tại trường đại học Quy Nhơn với sự tham gia khảo sát của 429 SV.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 nhân tố ảnh hưởng đến QLTCCN của SV gồm: giáo dục tài chính trong gia đình, hiểu biết về tài chính, phong cách chi tiêu có kiểm soát. Các nhân tố này đều tác động tích cực đến QLTCCN của SV. Tuy nhiên, nghiên cứu không tìm thấy ảnh hưởng từ bạn bè đến QLTCCN của SV. Đây là cơ sở để đưa ra các khuyến nghị giúp SV nâng cao sự hiểu biết và khả năng QLTCCN.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Quản lý tài chính cá nhân

Trong đời sống kinh tế ngày càng phát triển hiện nay cũng giống như các doanh nghiệp hiện đại, mỗi cá nhân, gia đình cũng giống như một

chủ thể kinh tế, cũng có thu nhập, **1** i tiêu, đầu tư... cũng có các mục tiêu riêng và phải đối mặt với những rủi ro trong **4** uộc sống. Trong khi tại các doanh nghiệp, để một doanh nghiệp có thể hoạt động **13** hiệu quả thì cần phải có các công cụ tài chính, hệ thống sổ sách **99** toán ghi chép, thống kê. Thì tại mỗi cá **107**, gia đình để có thể kiểm soát và quản lý tốt tình hình tài chính thì mỗi cá nhân phải cần có sự hiểu biết, kinh nghiệm trong việc QLTCNN.

QLTCNN đề cập đến việc quản lý tiền dưới nhiều hình thức khác nhau để đảm bảo an ninh tài **95** nh ngắn hạn và dài hạn. Cụ **100** QLTCNN là một tập hợp các hã **45** vì bao gồm quản lý tiền mặt, quản lý tín dụng, lập kế hoạch tài chính, đầu tư, bảo hiểm, lập kế hoạch nghỉ hưu và lập kế hoạch tài sản⁷. Như vậy, QLTCNN **44** việc theo dõi, kiểm tra, kiểm soát thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm và đầu tư để đạt mục tiêu của mỗi cá nhân, đồng thời tránh khỏi những rủi ro về mất cân bằng tài chính.

2.2. Ý nghĩa của việc quản lý tài chính cá nhân đối với sinh viên

40 Ngày nay, việc quản lý tài chính có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi cá nhân, đặc biệt là **81** bạn SV. Đây là những đối tượng đang dần tập chú động quản lý chi tiêu của mình mà ít có sự kiểm soát sát sao từ gia đ **72** với nhiều cám dỗ từ bên ngoài trong thời đại ngày càng phát triển, nhất là đối với những SV đi học xa nhà.

70 hiểu SV ngày nay thường không nhìn nhận điều kiện tài chính của mình như thế nào, mà chỉ lo đua đòi so sánh mình với người khác⁶. Điều này là do lối sống hiện tại khiến họ muốn thể hiện với bạn bè, tăng các khoản chi tiêu không hợp lý. **61** thể là phân bổ các khoản tiền được đáng lẽ để đáp ứng các nhu cầu cơ bản nhưng lại sử dụng để giải trí, dẫn đến việc hết tiền trước kỳ cha mẹ **43** sinh hoạt phí tiếp theo⁸.

43 Trong thời đại kinh tế ngày càng phát triển nhanh chóng như hiện nay, nhiều SV không giỏi cách xác định quy mô ưu tiên của nhu cầu và quản lý tài chính⁹. Theo Amanita (2017), QLTCNN là một trong những nghệ thuật và khoa học tr **16** việc QLTCNN và gia đình¹⁰. Một người không có kiến thức về tài chính có th **96** gặp khó khăn trong việc QLTCNN¹¹. Nếu ai đó không giỏi quản lý tài chính của mình, thì chi tiêu của anh ta sẽ mất kiểm soát và có thể tự gây hại cho chính **22** h⁴. Kiến thức về QLTCNN là một trong những yếu tố quan trọng trong việc đưa ra các quyết định tài chính để cải thiện phúc lợi cuộc sống¹².

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình nghiên cứu

QLTCNN là một trong những nghệ thuật và khoa học tr **16** ệc QLTCNN và gia đình¹⁰. Một người không có kiến thức về tài chính có thể gặp khó kh **1** trong việc QLTCNN¹¹. Nếu ai đó không giỏi quản lý tài chính của mình thì mất kiểm soát chi tiêu và có thể tự gây hại cho chính mình⁴. **22** ến thức về QLTCNN là một trong những yếu tố quan trọng trong việc đưa ra các quyết đ **12** tài chính để cải thiện phúc lợi cuộc sống¹². Các yếu tố ảnh hưởng đến QLTCNN, bao gồm giáo dục tài chính trong gia đình⁴, hiểu biết về tài chính¹³, bạn bè¹⁴ và phong cách chi tiêu¹⁵.

Rosa và Listiadi (2020) chỉ ra nhân tố tác động đến QLTCNN của SV là nhân tố giáo dục tài chính trong gia đình⁴. Dạy con cái QLTCNN có thể nói là một cách giáo dục thông **9** ỉnh bởi điều này giúp con cái họ hiểu hơn về giá trị của đ **9** iền cũng như có ý thức hơn trong việc chi tiêu tiết kiệm, tránh chi tiêu hoang phí v **9** sau. Nếu cha mẹ không biết cách giáo dục họ sẽ vô tình khiến con cái họ hình thành những thói quen không tốt, gây ảnh hưởng đến sự phát triển và trưởng thành. Một trong những điều bố mẹ cần **7** ú ý giáo dục sớm cho trẻ chính là QLTCNN. Theo một nghiên cứu của Đại học Cambridge (Anh), thói quen tài chính của đứa trẻ bắt đầu hình thành khi 7 tuổi và đó là lời nhắc nhở cho cha mẹ hãy xây dựng, vun đắp cho con sự hiểu biết về tiền bạc ngay từ thời điểm này. Bởi vậy, các bậc phụ huynh nên đề cao và có cách giáo dục sớm về tiền bạc giúp con mình định hình đúng vai trò, hiểu được giá t **9** mà đồng tiền mang lại và nhất là biết QLTCNN ngay từ khi được dùng tiền để chi tiêu. Ngoài ra theo Wulandari và **18** kim (2016), giáo dục tài chính trong gia đình có ảnh hưởng tích cực đến quản lý tài chính của SV vì cha mẹ là người thầy đầu tiên trong việc giáo dục hướng dẫn con cái quản lý tiền và là hình mẫu cho chúng¹⁶. Chính vì vậy nghiên **33** cho rằng giáo dục tài chính trong gia đình có tác động cùng chiều đến việc QLTCNN của SV.

*Giả **2** iết H1. Giáo dục tài chính trong gia đình có tác động tích cực trong việc QLTCNN của SV.*

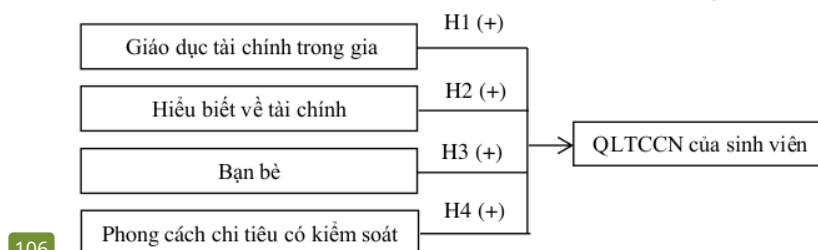
Hiểu biết rõ về tà **68** nh giúp SV làm chủ trong chi tiêu cũng như có vấn đề gì xảy ra liên quan đến tài chính sẽ dễ dàng giải quyết hơn. Hiểu biết t **49** hính cung cấp kiến thức nhằm tăng khả năng quản lý tài chính cho mỗi cá nhân. M **103** ộ hiểu biết của một người về tài chính càng tốt thì khả năng quản l **12** i chính của họ càng tốt¹⁸. Do đó, hiểu biết về tài chính có mối quan hệ thuận chiều với QLTCNN của SV.

Giả thuyết H2. Hiểu biết về tài chính có tác dụng tích cực trong việc QLTCN của SV.

Bạn bè cũng có thể nói là một trong những yếu tố hỗ trợ thành công của một ng 104 trong việc QLTCN¹⁴. SV giao tiếp xã hội thường xuyên hơn và dành thời gian cho các bạn cùng lứa tuổi vì nơi ở của SV thường là xa gia đình, điều đó khiến mỗi SV dễ dàng bị ảnh hưởng bởi bạn bè⁴. Nếu có nh 86 g người bạn tốt, có sự am hiểu về tài chính, có kế hoạch chi tiêu hợp lý giúp bản thân SV nâng c 63 được khả năng QLTCN của mình đồng thời cũng học đ 19; rất nhiều điều tốt từ bạn bè. Như vậy, bạn bè có mối quan hệ thuận chiều với QLTCN của SV.

Giả thuyết H3. Bạn bè có ảnh hưởng tích cực đến việc QLTCN của SV.

Khi quản lý tiền của mình, mọi người đưa ra nhiều quyết định khác nhau, chẳng hạn như liệu



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

3.2. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

3.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu tiến hành xây dựng bảng câu hỏi dựa trên các thông tin cần thu thập trong mô hình nghiên cứu về cá 5 nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV. Sau đó, chọn lọc và hiệu chỉnh các câu hỏi dựa trên ý kiến góp ý của chuyên gia. Phòng vấn thử 10 SV ngẫu nhiên để kiểm tra mức độ rõ ràng của bảng câu hỏi, qua đó ghi nhận ý 2 đến ban đầu của họ về khả năng quản lý tài chính cũng như các nhâ 1 ổ có ảnh hưởng đến việc QLTCN của SV. Hiệu chỉnh và hoàn tất bảng câu hỏi lần cuối, tiến hành gửi bảng câu hỏi chính thức.

Mẫu được chọn theo phương pháp thuận tiện. Phương pháp phân tích dữ liệu chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy bội. Theo Hair và ctg (1998), để có thể phân tích nhân tố khám phá cần thu thập dữ liệu với kích thước mẫu là ít nhất 5 mẫu trên 1 biến quan sát. Mô hình nghiên cứu 15 số biến quan sát là 27, như vậy thì kích thước mẫu cần thiết là $n = 27 \times 5 = 135$ mẫu trở lên.

số tiền họ có trong tay có nên được chi tiêu sau này hay không, nên tiêu nó vào những thú vui bất thường hay những nhu cầu thiết yếu. Chi tiêu có kiểm soát là phong cách chi tiêu liên quan đến việc hạn chế chi tiêu, kiểm soát chi tiêu hiệu quả hơn. Cụ thể những người theo phong cách chi tiêu này có khả năng tự chủ cao, không nhượng bộ những ham muốn mà thường hạn chế chi tiêu để 97 thể tiêu tiền trong tương lai vào những việc quan trọng hơn đối với họ, điều này sẽ mang lại cho họ nhiều niềm vui hơn¹⁷. Do đó, phong cách chi tiêu có kiểm soát quan hệ thuận chiều với QLTCN của SV.

Giả thuyết H4. Phong cách chi tiêu có kiểm soát ảnh hưởng tích cực đến việc QLTCN của SV.

Như vậy, mô hình nghiên cứu đề xuất để xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV tại Trường Đại học Quy Nhơn như sau:

Nguồn: Tác giả đề xuất

Thông tin dữ liệu được thu thập thông qua điều tra từng SV của 73 trường Đại Học Quy Nhơn. Kỹ thuật phỏng vấn thông q 3 mạng Internet với sự hỗ trợ của Google Docs được sử dụng để thu 102 dữ liệu. Phiếu điều tra được gửi cho các SV đang học tại Trường Đại Học Quy Nh 1 và thông qua mạng Internet. Danh sách các SV nhận p 98; điều tra được lựa chọn một cách ngẫu nhiên, đặc 13 t là sự hỗ trợ từ phía các Fanpage của Trường. Kết quả là có 492 phiếu điều tra hợp lệ được sử dụng làm dữ liệu cho nghiên cứu.

3.2.2. Phương pháp kiểm định

Để kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV 31 trường ĐHQN, nghiên cứu tiến hành đánh giá thang đo bằng phân tích hệ số tin cậy Cronbach alpha nhằm đánh giá độ tin cậy 4 a thang đo; phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy bội nhằm kiểm tra sự phù hợp của mô hình nghiên cứu, kiểm định các giả thuyết để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến QLTCN của SV tại Trường Đại học Quy Nhơn.

4. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

4.1. Kiểm định thang đo

Kiểm định thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV Trường ĐHQN được thực hiện bằng hệ số tin cậy Cronbach alpha và phân tích nhân tố khám phá. Hầu hết hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều đạt tiêu chuẩn cho phép (lớn hơn 0,3) và hệ số Cronbach alpha của các thang đo đều lớn hơn 0,7 cho thấy đã có một thang đo lường tốt, có độ tin cậy khá cao nên đạt yêu cầu đưa vào phân tích nhân tố khám phá tiếp theo. Tuy nhiên, 2 biến quan sát trong thang đo giáo dục và hình ảnh gia đình GD4 và GD5 bị loại bỏ vì có hệ số tương quan biến tổng nhỏ

hơn 0,3 và khi loại 2 biến quan sát này làm cho hệ số Cronbach alpha của thang đo tăng lên.

Phân tích nhân tố khám phá EFA sử dụng phương pháp trích hệ số là Principal Component Analysis và phép xoay Varimax để phân nhóm các nhân tố. Kết quả phân tích nhân tố tại bảng 1 cho thấy hệ số KMO khá cao (bằng 0,867 > 0,5) và mức ý nghĩa bằng 0 (sig = 0,000) cho thấy phân tích nhân tố EFA rất thích hợp. Với tổng phương sai rút trích là 61,401% cho biết 4 nhân tố này giải thích được 61,401% biến thiên của dữ liệu.

Bảng 1. Kết quả phân tích nhân tố khám phá thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV Trường Đại học Quy Nhơn

Mã hóa	Biến quan sát	Nhân tố			
		1	2	3	4
HB3	Tôi đang tích lũy để đầu tư tài chính	0,819			
HB4	Tôi quan tâm đến các chỉ số lạm phát và mức độ lạm phát	0,781			
HB5	Tôi chia sẻ các khoản tiền đang có để đầu tư	0,773			
HB1	Tôi hay theo dõi lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng	0,734			
HB2	Tôi thường xuyên cập nhật giá cả trên thị trường	0,729			
GD2	Tôi luôn nhìn các tiêu chuẩn của cha mẹ để học tập		0,823		
GD1	Tôi được cha mẹ hướng dẫn cách sử dụng tiền hợp lý		0,821		
GD3	Cha mẹ giúp tôi hiểu về giá trị của đồng tiền		0,775		
PCCT4	Tôi ít khi có những khoản nợ vào cuối tháng			0,717	
PCCT5	Tôi có quỹ dự phòng cho riêng mình			0,682	
PCCT1	Tôi thường tính toán và suy nghĩ kỹ trước khi quyết định mua những món hàng mà mình thích			0,661	
PCCT2	Tôi thường nhớ chính xác trong ví (túi) có bao nhiêu tiền			0,613	
PCCT3	Tôi thường quan tâm đến hàng giảm giá			0,605	
BB2	Tôi luôn nhờ bạn bè tư vấn khi muốn mua một cái gì đó				0,757
BB1	Tôi thích đi mua sắm với bạn bè				0,707
BB4	Phong cách sống của bạn bè có ảnh hưởng đến cách tôi chi tiêu				0,674
BB3	Tôi hay cho bạn bè mượn tiền				0,673
Eigenvalues		5,492	2,161	1,669	1,116
Phương sai rút trích (%)		18,998	14,859	14,503	13,042
Cronbach alpha		0,856	0,848	0,705	0,753

Thang đo QLTCN gồm 8 biến quan sát. Sau khi đạt độ tin cậy thông qua kiểm tra bằng Cronbach alpha. Phân tích nhân tố khám phá EFA được sử dụng để kiểm định lại mức độ hội tụ của các biến quan sát.

Kiểm định KMO và Bartlett's trong phân tích nhân tố cho thấy hệ số KMO 0,873 (> 0,5)

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá thang đo QLTCN của SV

Nguyên nhân: Kết quả phân tích nhân tố EFA từ số liệu điều tra

với mức ý nghĩa bằng 0 (sig = 0,000) cho thấy phân tích nhân tố EFA rất thích hợp. Với phương pháp rút trích nhân tố principal components và phép quay Varimax đã trích được 1 nhân tố duy nhất với hệ số tải nhân tố của các biến lớn hơn 0,5 dùng để giải thích thang đo QLTCN của SV là hợp lý.

Mã hóa	Biến quan sát	Nhân tố
		1
QLTC4	Tôi coi trọng rèn luyện thói quen quản lý tiền bạc	0,846
QLTC3	Tôi coi trọng việc kiểm soát chi tiêu mỗi tháng	0,829
QLTC8	Tôi theo dõi các khoản chi tiêu và điều chỉnh nếu cần thiết	0,810
QLTC1	Tôi coi trọng việc lập kế hoạch chi tiêu và tuân thủ kế hoạch đó	0,778
QLTC7	Các thói quen quản lý tiền ở hiện tại có ảnh hưởng đến tương lai của tôi	0,693
QLTC6	Tôi cân nhắc các sự lựa chọn khác nhau khi mua hàng trả góp	0,677
QLTC2	Tôi coi trọng việc thiết lập các mục tiêu tài chính trung hạn (3-5 năm)	0,669
QLTC5	Tôi luôn ghi chép lại các khoản thu, chi của mình	0,637
Eigenvalues		4,455
Phương sai rút trích (%)		55,688

4.2. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Kết quả của ma trận tương quan cho thấy hệ số tương quan giữa biến QLTCN với hầu như các biến khác đều lớn hơn 0,5, riêng với biến bạn bè (BB) là 0,28. Mặt khác, hệ số tương quan giữa

Bảng 3. Tóm tắt kết quả mô hình hồi quy tương quan bội

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa		Giá trị t	Mức ý nghĩa	Đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta				Độ chấp nhận	VIF
Hằng số	0,448	0,132			3,398	0,001		
GD	0,184	0,030		0,211	6,148	0,000	0,672	1,488
HB	0,255	0,026		0,311	9,786	0,000	0,784	1,276
BB	-0,026	0,028		-0,028	-0,911	0,363	0,840	1,190
PCCT	0,476	0,035		0,475	13,579	0,000	0,645	1,550
R ² điều chỉnh = 0,612			Giá trị kiểm định F = 194,601			Mức ý nghĩa = 0,000		

Biến phụ thuộc: QLTC

Bảng 3 cho thấy giá trị kiểm định F = 194,601 với mức ý nghĩa quan sát rất nhỏ sig. = 0,000 chứng tỏ mô hình hồi quy tuyến tính bội là hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được. Hệ số phóng đại phương sai VIF rất nhỏ (nhỏ hơn 2) cho thấy các biến độc lập này không có quan hệ chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Hệ số R² điều chỉnh = 0,612 cho thấy sự tương thích của mô hình với biến quan sát là tương đối lớn với khoảng 61,2% biến thiên của biến phụ thuộc QLTC (QLTCN của SV) có thể được giải thích bởi 3 biến độc lập trong mô hình.

Dựa trên hệ số hồi quy đã chuẩn hóa của kết quả phân tích hồi quy bội, mức độ ảnh hưởng của các thành phần trong thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV được thể hiện trong hàm hồi quy có dạng như sau:

$$QLTC = 0,211GD + 0,311HB + 0,475PCCT$$

Từ phương trình trên ta thấy các yếu tố trong mô hình hồi quy ảnh hưởng tỉ lệ thuận đến QLTCN của SV (hệ số beta chuẩn hóa các biến độc lập đều > 0). Trong đó có 3 thành phần đo lường các nhân tố đều có ảnh hưởng đáng kể đến việc QLTCN của SV (với mức ý nghĩa sig < 0,05). Tuy nhiên, biến bạn bè (BB) không ảnh hưởng đến QLTCN của SV vì không có ý nghĩa thống kê.

5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu xác định có 3 nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV trường ĐHQN là giáo dục tài chính trong gia đình, hiểu biết về tài chính và phong cách chi tiêu có kiểm soát. Trong đó nhân tố phong cách chi tiêu có kiểm soát với hệ số beta chuẩn hoá là 0,475, cao nhất so với hệ số beta chuẩn hoá của các nhân tố còn lại nên

17 có ảnh hưởng lớn nhất đến QLTCCN của SV, tiếp theo là nhân tố hiểu biết tài chính và cuối cùng là nhân tố 1 giáo dục tài chính trong gia đình. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy bạn bè không ảnh hưởng đến việc QLTCCN của SV. Tức việc QLTCCN của SV không bị ảnh hưởng từ bạn bè mà bởi chính bản thân mỗi SV.

Phong cách chi tiêu có kiểm soát của mỗi SV ảnh hưởng lớn nhất đến việc QLTCCN của họ. Hay nói cách khác chính bản tính chi tiêu này giúp cho SV QLTCCN tốt và hiệu quả hơn. Họ biết cách kiểm soát tính toán các khoản chi tiêu nào là cần thiết và quan trọng với họ, đồng thời không bị cám dỗ với những ham muốn nhất 78 vì, từ đó giúp cho họ QLTCCN tốt và thiết lập được các mục tiêu tài chính trong tương lai. Ngược lại nếu SV không làm chủ được mình, chi tiêu không có kiểm soát và kế hoạch hợp lý thì sẽ khó mà chi tiêu đủ và không có dư để tiết kiệm.

Bên cạnh đó, sự hiểu biết về tài chính cũng ảnh hưởng không nhỏ đến QLTCCN của SV 94. V có hiểu biết về tài chính tốt sẽ biết các 2 thức quản lý tài chính của mình tốt hơn. Trình độ hiểu biết tài c 29 của một người càng cao họ sẽ càng giỏi hơn trong việc đưa ra quyết định về tài c 91 của mình và trình độ hiểu biết cá nhân càng cao, khả năng quản lý tài chính của họ càng tốt¹⁸. Luhsasi (2021) cho rằng kiến thức tài chính mà SV ở trường đại học 8 đặc từ các môi trường khác có được sẽ vô thức có tác động đến quản lý tài chính của SV¹⁹.

Hơn nữa, việc giáo dục tài chính trong gia đình là rất quan trọng vì nó ảnh hưởng đến việc QLTCCN của SV. Những cá nhân có cách quản lý tài chính tốt đều bắt nguồn từ cách giáo dục tài chính trong gia đình họ⁵. Ameliawati và 5 etiyani (2018) cho rằng nếu một đứa trẻ được giáo dục tài chính từ gia đình, nó sẽ có xu hướng không ngoan trong việc quản lý tài chính của mình²⁰.

37 bước vào môi trường đại học, SV cũng bắt đầu tự lập, hòa nhập vào môi trường mới và việc kiểm soát tài chính cũng vì vậy mà quan trọng hơn hẳn. Do đó, để hướng SV đến thói quen chi 92 có kế hoạch, vừa lành mạnh, hợp lý mà lại có ích cho c 58 ia đình và xã hội thì trọng trách đầu tiên là từ gia đình. Gi 85 nh đóng một vai trò cực kì lớn trong việc giáo dục về quản lý tài chính đối với con em của mình. Cha mẹ nên cho con 21 u giá trị của đồng tiền và tập cho chúng các thói quen tốt, tự lập trong việc quản lý tài chí 43 khi chúng còn nhỏ. Bên cạnh đó, nhà trường là một nhân tố đóng vai trò quan trọng không kém tới việc hình thành nên thói quen tốt trong việc QLTCCN của mỗi học sinh, SV. Bởi vì sau gia đình thì phần lớn thời gian còn lại của SV đều ở trường, tiếp xúc với bạ 6 bè và thầy cô, chính vì thế mà nhà trường cần đưa ra các biện 55 áp tạo điều kiện cho SV tham gia các lớp học cơ bản về quản lý tài chí 2. Ngoài ra, nhà trường có mở thể các câu lạc bộ về quản lý tài chính tại đây các SV có thể giao lưu chia sẻ với nhau về các cách quản lý tiền hiệu quả cùng lúc đó nhà trường có thể mở các môn học về đầu tư tài chính, QLTCCN cho tất cả SV mọi ngành thay vì chỉ như 2 ngành kinh tế như hiện nay. Cùng 87 đó nhà trường có thể mời các chuyên gia về tài chính để hỗ trợ tư vấn cho các SV 77 đi học xa gia đình. Chính vì thế mà SV cần chủ động hơn trong việc lắng nghe, tiếp thu học hỏi các bài học tài chính từ cha mẹ, nhà trường và th 21 cô, trang bị tốt kiến thức giúp SV tránh được thói quen không tốt trong việc quản lý tài chính. Và điều quan trọng 21 ất đó là bản thân của mỗi SV cần có ý thức 60 trong việc quản lý tài chính của mình, tích cực tham gia các khóa học, các 71 lạc bộ hay các cuộc thi về quản lý tài chính để trau dồi kinh nghiệm cho bản thân. Đặc biệt SV cần ph 88 hường xuyên học hỏi, tập cho mình thói quen lập kế hoạch, đưa ra các mục tiêu về tài c 65 i. Việc này giúp cho mỗi SV hoàn thành được mục tiêu trong học tập và cuộc sống của mình.

Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính cá nhân của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn

ORIGINALITY REPORT

48%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	text.123docz.net	Internet	213 words — 4%
2	tailieu.vn	Internet	209 words — 4%
3	ngoithong.files.wordpress.com	Internet	140 words — 3%
4	luanvan.co	Internet	122 words — 2%
5	123docz.net	Internet	93 words — 2%
6	toc.123docz.net	Internet	92 words — 2%
7	phamngocanh.com	Internet	85 words — 2%
8	khoahoc.tmu.edu.vn	Internet	68 words — 1%
9	www.anhnguyenmanulife.com	Internet	66 words — 1%

10	luanvan.org Internet	63 words — 1%
11	www.thuvientailieu.vn Internet	63 words — 1%
12	en.ueh.edu.vn Internet	53 words — 1%
13	tailieu.tv Internet	38 words — 1%
14	www.tailieudaihoc.com Internet	37 words — 1%
15	thuvien.hce.edu.vn:8080 Internet	36 words — 1%
16	hvtc.edu.vn Internet	33 words — 1%
17	Ton Duc Thang University Publications	30 words — 1%
18	thuvien.due.udn.vn:8080 Internet	29 words — 1%
19	ueh.edu.vn Internet	29 words — 1%
20	tapchikhcn.udn.vn Internet	28 words — 1%
21	go.ocb.com.vn Internet	26 words — < 1%

22	luanvan.net.vn Internet	26 words — < 1%
23	neu.edu.vn Internet	25 words — < 1%
24	ueb.edu.vn Internet	25 words — < 1%
25	tracuutapchi.ftu.edu.vn Internet	24 words — < 1%
26	thitruongtaichinhhtiente.vn Internet	23 words — < 1%
27	doc.edu.vn Internet	20 words — < 1%
28	tailieuso.udn.vn Internet	20 words — < 1%
29	tapchitaichinh.vn Internet	20 words — < 1%
30	tapchitckt.hvtc.edu.vn Internet	18 words — < 1%
31	www.elib.vn Internet	18 words — < 1%
32	tailieuthamkhao.com Internet	17 words — < 1%
33	www.slideshare.net Internet	17 words — < 1%

34	Internet	16 words — < 1%
35	tckh.tvu.edu.vn Internet	16 words — < 1%
36	www.eballsviet.com Internet	16 words — < 1%
37	www.mangduhoc.com.vn Internet	16 words — < 1%
38	tapchi.ftu.edu.vn Internet	14 words — < 1%
39	tapchicongthuong.vn Internet	14 words — < 1%
40	anchor.fm Internet	13 words — < 1%
41	fem.tlu.edu.vn Internet	13 words — < 1%
42	tmu.edu.vn Internet	13 words — < 1%
43	www.khamphadanang.vn Internet	13 words — < 1%
44	www.vingle.net Internet	13 words — < 1%
45	businessyield.com Internet	12 words — < 1%
46	htp.org.vn	

12 words — < 1%

47 ktpt.neu.edu.vn Internet 12 words — < 1%

48 www.researchgate.net Internet 12 words — < 1%

49 khoahoc.neu.edu.vn Internet 11 words — < 1%

50 matbao.net Internet 11 words — < 1%

51 thuvienso.bvu.edu.vn Internet 11 words — < 1%

52 tiki.vn Internet 11 words — < 1%

53 www.baobinhdinhh.com.vn Internet 11 words — < 1%

54 www.kiemdo.com Internet 11 words — < 1%

55 www.studyusa.com Internet 11 words — < 1%

56 baomoi.com Internet 10 words — < 1%

57 bestvietnam.vn Internet 10 words — < 1%

58 giaoxuyenhoa.blogspot.com

10 words — < 1%

59 haichungblog.blogspot.com
Internet

10 words — < 1%

60 jaxtinacenter.com
Internet

10 words — < 1%

61 mainguyen.vn
Internet

10 words — < 1%

62 muachungcu.org
Internet

10 words — < 1%

63 phuxuan.edu.vn
Internet

10 words — < 1%

64 quantrimang.com
Internet

10 words — < 1%

65 spbook.vn
Internet

10 words — < 1%

66 sviuh.com
Internet

10 words — < 1%

67 text.xemtailieu.net
Internet

10 words — < 1%

68 thongtacconggiare.net.vn
Internet

10 words — < 1%

69 vietgrowers.org
Internet

10 words — < 1%

70 www.noithatonline.org

10 words — < 1%

71 123job.vn
Internet

9 words — < 1%

72 cuakinhhcm.com
Internet

9 words — < 1%

73 muabanon.com
Internet

9 words — < 1%

74 spinnerme20.info
Internet

9 words — < 1%

75 text.123doc.vn
Internet

9 words — < 1%

76 vietnamese.cdc.gov
Internet

9 words — < 1%

77 www.tgpl.gov.vn
Internet

9 words — < 1%

78 www.thitruongbaohiem.vn
Internet

9 words — < 1%

79 www.zun.vn
Internet

9 words — < 1%

80 youth.ueh.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

81 bong339.com
Internet

8 words — < 1%

82 choitro.com

8 words — < 1%

83 de.slideshare.net

Internet

8 words — < 1%

84 dost.hochiminhcity.gov.vn

Internet

8 words — < 1%

85 en.lancon.vn

Internet

8 words — < 1%

86 gocbao.net

Internet

8 words — < 1%

87 goldwalk.com.vn

Internet

8 words — < 1%

88 nguyenquanghuy.com

Internet

8 words — < 1%

89 qlkh.uel.edu.vn

Internet

8 words — < 1%

90 quanlytien.blogspot.com

Internet

8 words — < 1%

91 sohoabaigiangelearning.blogspot.com

Internet

8 words — < 1%

92 tinhtam.vn

Internet

8 words — < 1%

93 tinvui.info

Internet

8 words — < 1%

94 tuingaynay.tumblr.com

8 words — < 1%

95 vi.chalized.com

Internet

8 words — < 1%

96 www.12cunghoangdao.biz

Internet

8 words — < 1%

97 www.catechesis.net

Internet

8 words — < 1%

98 www.hanoicustoms.gov.vn

Internet

8 words — < 1%

99 www.iigtravel.com

Internet

8 words — < 1%

100 www.mbastudies.vn

Internet

8 words — < 1%

101 www.ptc.org.vn

Internet

8 words — < 1%

102 www.qnu.edu.vn

Internet

8 words — < 1%

103 www.sinhvienlamgiau.net

Internet

8 words — < 1%

104 www.yourbrainonporn.com

Internet

8 words — < 1%

105 ysc2021.iuh.edu.vn

Internet

8 words — < 1%

106

Nguyễn Danh Nam. "Vai trò của sự hài lòng tiền lương đối với gắn kết tổ chức, sự hài lòng công việc và ý định nghỉ việc: Nghiên cứu trường hợp tuyến y tế cơ sở của Hà Nội", VNU JOURNAL OF ECONOMICS AND BUSINESS., 2024

Crossref

6 words — < 1%

107

vi.wikipedia.org

Internet

6 words — < 1%